

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2015

MÔN: HÓA HỌC

Thời gian 90 phút

Họ và tên thí sinh: .....

Mã đề : 016

Số báo danh: .....

( Cho C =12 ; H = 1 ; O = 16 ; Al = 27 ; Fe = 56 ; Mg = 24 ; S = 32 ; Br = 80 ; Cl = 35,5 ; Na = 23 ; K = 39 ; Ba = 137 ; N = 14 ; Ag = 108 ; Ca = 40 ; Cu = 64 ; P = 31 ; Zn = 65 ; Cr = 52 ; Pb = 207 ; Sn = 119 ; F = 19)

**Câu 1:** Hỗn hợp A gồm 4 peptit mạch hở Val-Val; Val-Ala-Gly; Ala-Gly-Gly-Ala và Gly-Gly-Gly-Gly-Gly. Đốt cháy hoàn toàn một lượng hỗn hợp A bằng oxi vừa đủ thu được 44 gam CO<sub>2</sub> và 3,36 lít N<sub>2</sub> (đkc). Mặt khác cho 10 gam hỗn hợp A trên tác dụng với dung dịch NaOH dư được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị m gần giá trị nào nhất sau đây?

- A. 14,18                      B. 15,15                      C. 13,82                      D. 14,80

**Câu 2:** Phân tử nào dưới đây có liên kết cộng hóa trị không phân cực?

- A. CO<sub>2</sub>                      B. NH<sub>3</sub>                      C. H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>                      D. HCl

**Câu 3:** X là hỗn hợp gồm 2 axit cacboxylic no, mạch không phân nhánh Y, Z (M<sub>Y</sub> < M<sub>Z</sub> < 150). Đốt cháy hoàn toàn 10 gam X thu được 0,39 mol CO<sub>2</sub> và 0,34 mol H<sub>2</sub>O. Phần trăm khối lượng axit cacboxylic Z trong X gần với giá trị nào nhất dưới đây?

- A. 85%                      B. 75%                      C. 25%                      D. 55%

**Câu 4:** Hòa tan hết cùng một lượng kim loại M trong 2 cốc: cốc I đựng dung dịch HCl dư và cốc II đựng dung dịch HNO<sub>3</sub> dư thấy thể tích H<sub>2</sub> và NO thoát ra ở các cốc là như nhau. Biết các thể tích khí đo ở cùng điều kiện; NO là sản phẩm khử duy nhất. Kim loại M là

- A. Mg                      B. Zn                      C. Al                      D. Fe

**Câu 5:** Cho hai axit cacboxylic mạch hở A và B (M<sub>A</sub> < M<sub>B</sub>). Nếu cho hỗn hợp A và B tác dụng với Na dư được số mol H<sub>2</sub> bằng một nửa tổng số mol A và B trong hỗn hợp, còn nếu cho hỗn hợp A và B tác dụng với nước brom dư thấy số mol Br<sub>2</sub> đã phản ứng nhỏ hơn tổng số mol A và B trong hỗn hợp. Nếu trộn 20 gam dung dịch axit A nồng độ 23% với 50 gam dung dịch axit B nồng độ 20,64% được dung dịch D. Để trung hòa dung dịch D cần vừa đủ 200 ml dung dịch NaOH 1,1M. Phát biểu đúng là

- A. A phải cho được phản ứng tráng gương.  
B. B có đồng phân hình học.  
C. A hoặc B là nguyên liệu để tổng hợp thủy tinh hữu cơ.  
D. A, B hơn, kém nhau một nguyên tử carbon trong phân tử.

**Câu 6:** Anken nào dưới đây khi hydrat hóa tạo ancol bậc III?

- A. but-2-en                      B. 3-metylbut-1-en                      C. 2-metylbut-2-en                      D. 4,4-dimethylpent-2-en.

**Câu 7:** Cho dung dịch Ba(HCO<sub>3</sub>)<sub>2</sub> lần lượt vào các dung dịch: Na<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>, CaCl<sub>2</sub>, NaOH, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>, KHSO<sub>4</sub>, Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Ca(OH)<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>. Số trường hợp tạo kết tủa sau phản ứng là

- A. 4.                      B. 7.                      C. 5.                      D. 6.

**Câu 8:** Hòa tan hết 30 gam rắn X gồm CuO; MgO; FeO; Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> và Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub> trong dung dịch HCl dư rồi cô cạn được 60,8 gam hỗn hợp muối khan. Hòa tan hết cùng lượng rắn X trên trong HNO<sub>3</sub> dư được dung dịch chứa 96,68 gam muối và thoát ra V lít (đkc) NO<sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất. Giá trị V là

- A. 2,16                      B. 6,72                      C. 2,24                      D. 1,12

**Câu 9:** Cacbohidrat không làm mất màu nước brom nhưng cho được phản ứng tráng gương là

- A. Glucozơ                      B. Fructozơ                      C. Mantozơ                      D. Saccarozơ

**Câu 10:** Cho dãy các dung dịch: HCOOH, C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>NH<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, C<sub>6</sub>H<sub>5</sub>OH (phenol). Số dung dịch **không** làm đổi màu quỳ tím là

- A. 1.                      B. 4.                      C. 2.                      D. 3.

**Câu 11:** Tiến hành phản ứng nhiệt nhôm m gam hỗn hợp X gồm Al và Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub> (không có không khí) được hỗn hợp rắn Y. Chia hỗn hợp Y làm hai phần không bằng nhau (trong đó phần 2 nặng hơn phần 1 là 68 gam).

+ Cho phần 1 tác dụng với dung dịch NaOH dư được 2,24 lít H<sub>2</sub> (đkc).

+ Hòa tan hết phần 2 trong H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> loãng, dư được 28 lít H<sub>2</sub> (đkc).

Giả sử các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m gần với giá trị nào nhất dưới đây, cho biết khi ngâm m gam hỗn hợp X trong dung dịch NaOH dư một thời gian thấy thể tích H<sub>2</sub> thoát ra đã vượt quá 43,68 lít (đkc).

- A. 90,00                      B. 100,00                      C. 135,00                      D. 150,00

**Câu 12:** Đặt 2 cốc A, B có khối lượng bằng nhau lên hai đĩa cân, cân thăng bằng. Cho 10,6 gam Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> vào cốc A và 11,82 gam BaCO<sub>3</sub> vào cốc B, sau đó thêm 12 gam dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> 98% vào cốc A, cân mất thăng bằng. Để cân thăng bằng phải thêm m gam dung dịch HCl 14,6% vào cốc B. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị m là

- A. 9,02                      B. 6,99                      C. 8,36                      D. 7,30

**Câu 13:** Tiến hành trùng hợp 10,4 gam stiren được hỗn hợp X gồm polistiren và stiren (dư). Cho X tác dụng với 200ml dung dịch Br<sub>2</sub> 0,15M sau đó cho dung dịch KI dư vào thấy xuất hiện 1,27 gam iot. Hiệu suất trùng hợp stiren đạt:

- A. 66,67%                      B. 75,00%                      C. 80,00%                      D. 83,33%

## Thầy Nguyễn Đình Độ

- Câu 14:** Sục 6,72 lít CO<sub>2</sub> (đkc) vào dung dịch hỗn hợp gồm x mol NaOH và y mol Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> được dung dịch X. Cho dung dịch BaCl<sub>2</sub> dư vào X được 19,7 gam kết tủa, còn nếu cho dung dịch Ba(OH)<sub>2</sub> dư vào X được 78,8 gam kết tủa. Giá trị x, y lần lượt là
- A. 0,3 và 0,1                      B. 0,1 và 0,3                      C. 0,2 và 0,3                      D. 0,2 và 0,1
- Câu 15:** Có các phát biểu sau về bảng tuần hoàn:
- 1/ Nhóm B chỉ gồm các nguyên tố kim loại.
  - 2/ Nhóm A chỉ gồm các nguyên tố phi kim.
  - 3/ Các nguyên tố nhóm A chỉ thể hiện một mức oxi hóa trong các hợp chất.
  - 4/ Số thứ tự nhóm A bằng với số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử các nguyên tố nằm trong nhóm.
- Số phát biểu đúng là
- A. 1                                      B. 3                                      C. 2                                      D. 4
- Câu 16:** Dẫn m gam hơi ancol đơn chức A qua ống đựng CuO dư nung nóng. Sau khi phản ứng xảy ra xong thấy khối lượng chất rắn ống giảm  $\frac{m}{2}$  gam. Phát biểu đúng là
- A. A là ancol chưa no, một nối đôi C=C                      B. A là ancol bậc I.
- C. Phân tử A có chứa C bậc III.                                      D. Phản ứng tạo đồng thời  $\frac{m}{2}$  gam H<sub>2</sub>O.
- Câu 17:** Điện phân dung dịch hỗn hợp gồm KCl và 0,15 mol CuSO<sub>4</sub> bằng dòng điện có cường độ không đổi 9,65A (điện cực trơ, màng ngăn xốp). Sau thời gian t giây thì ngừng điện phân, thu được dung dịch Y và khí ở hai điện cực có tổng thể tích là 6,72 lít (đkc). Để trung hòa dung dịch sau điện phân cần vừa đủ 60 ml dung dịch HCl 2M. Biết hiệu suất điện phân đạt 100%, các khí sinh ra không tan trong dung dịch. Giá trị của t là
- A. 5400                                      B. 4600                                      C. 3200                                      D. 4800
- Câu 18:** Sản phẩm phản ứng nhiệt phân một muối nitrat kim loại nhất thiết phải chứa
- A. oxit kim loại                                      B. NO<sub>2</sub>                                      C. kim loại                                      D. O<sub>2</sub>
- Câu 19:** Trong một bình kín có cân bằng hóa học sau : N<sub>2</sub> (k) + 3H<sub>2</sub> (k)  $\rightleftharpoons$  2NH<sub>3</sub> (k).  
Nung nóng bình từ từ đến nhiệt độ T<sub>1</sub>, sau đó đến nhiệt độ T<sub>2</sub> thấy phần trăm thể tích NH<sub>3</sub> trong bình ở nhiệt độ T<sub>1</sub> và T<sub>2</sub> lần lượt là 18% và 15%. Phát biểu nào sau đây là đúng?
- A. Khi giảm nhiệt độ, áp suất chung của hệ cân bằng tăng.  
B. Khi tăng nhiệt độ, áp suất chung của hệ cân bằng giảm.  
C. Phản ứng thuận là phản ứng thu nhiệt.  
D. Hằng số cân bằng K<sub>C</sub> của phản ứng tổng hợp NH<sub>3</sub> giảm khi nhiệt độ tăng.
- Câu 20:** Trong môi trường kiềm, lòng trắng trứng tác dụng với Cu(OH)<sub>2</sub> cho hợp chất có màu
- A. xanh                                      B. tím                                      C. đỏ                                      D. vàng
- Câu 21:** Hòa tan hết 15,3 gam Al bằng HNO<sub>3</sub> thu được 2,24 lít (đkc) hỗn hợp N<sub>2</sub> ; N<sub>2</sub>O có tỉ khối so với H<sub>2</sub> là 18 và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị m là
- A. 128,7                                      B. 71,1                                      C. 120,7                                      D. 132,2
- Câu 22:** Đốt 7 gam sắt trong oxi được m gam hỗn hợp rắn X. Hòa tan hết X bằng HNO<sub>3</sub> dư được 1,344 lít (đkc) hỗn hợp NO; NO<sub>2</sub> có tỉ khối so với H<sub>2</sub> là 21. Cho biết chỉ xảy ra 2 quá trình khử N<sup>+5</sup>. Giá trị m là
- A. 9,28                                      B. 9,04                                      C. 12,12                                      D. 10,08
- Câu 23:** Cho hỗn hợp X gồm CH<sub>3</sub>CHO; C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>CHO; C<sub>2</sub>H<sub>3</sub>CHO; (CHO)<sub>2</sub> và CH<sub>2</sub>(CHO)<sub>2</sub> tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub> được m gam bạc. Đốt cháy hết cũng lượng X trên cần vừa đủ 13,44 lít O<sub>2</sub> (đkc), Hấp thụ hết sản phẩm cháy vào bình nước vôi trong dư thấy khối lượng bình tăng 30,5 gam và xuất hiện 55 gam kết tủa. Giá trị m là
- A. 64,8.                                      B. 86,4.                                      C. 54,0.                                      D. 27,0.
- Câu 24:** Dung dịch phenol C<sub>6</sub>H<sub>5</sub>OH không phản ứng với
- A. Na.                                      B. NaOH.                                      C. NaHCO<sub>3</sub>.                                      D. Br<sub>2</sub>.
- Câu 25:** Cho dãy các chất sau: NaHCO<sub>3</sub>; KHSO<sub>4</sub>; NH<sub>2</sub>CH<sub>2</sub>COOH và NH<sub>2</sub>CH<sub>2</sub>COOCH<sub>3</sub>. Số chất có tính lưỡng tính trong dãy là
- A. 3                                      B. 2                                      C. 1                                      D. 4
- Câu 26:** Xà phòng hóa m gam este đơn chức E bằng một lượng dung dịch NaOH vừa đủ rồi cô cạn được hỗn hợp rắn khan X. Đốt cháy hoàn toàn X được H<sub>2</sub>O; 18,48 gam CO<sub>2</sub> và 6,36 gam Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>. Giá trị m là
- A. 5,28.                                      B. 8,16.                                      C. 10,56.                                      D. 6,32.
- Câu 27:** Hàm lượng sắt trong một mẫu quặng manhetit (chứa 60% Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub>; còn lại là tạp chất không chứa sắt) là
- A. 60,00%.                                      B. 43,45%.                                      C. 82,85%.                                      D. 35,71%.
- Câu 28:** Một loại đá vôi chứa 80% CaCO<sub>3</sub>; 10,2% Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> và 9,8% Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> (theo khối lượng). Nung mẫu đá vôi này ở 1200°C được một chất rắn có khối lượng bằng 78% khối lượng đá trước khi nung. Phần trăm CaCO<sub>3</sub> đã bị nhiệt phân là
- A. 50,00%                                      B. 62,50%                                      C. 75,00%                                      D. 66,67%
- Câu 29:** Nhiên liệu nào dưới đây là nhiên liệu sạch:
- A. khí hóa lỏng                                      B. than đá                                      C. khí hidro                                      D. ancol etylic

## Thầy Nguyễn Đình Độ

**Câu 30:** Đốt cháy hoàn toàn 7 lít hỗn hợp khí X gồm 2 anken Y, Z ( $M_Y < M_Z$ ) cần vừa đủ 31 lít khí  $O_2$  (các thể tích khí đo ở cùng điều kiện). Biết phần trăm thể tích của anken Z chiếm khoảng 40% đến 50% thể tích hỗn hợp X. Phần trăm khối lượng anken Z trong X là

- A. 83,33%                      B. 54,38%                      C. 64,52%                      D. 66,67%

**Câu 31:** Chất nào dưới đây không phải chất điện li?

- A.  $Na_2SO_4$                       B. HCl                      C.  $Ba(OH)_2$                       D.  $CH_3OH$

**Câu 32:** Cho 0,2 mol ancol đơn chức X tác dụng với  $O_2$  (xúc tác, đun nóng) thu được 9,12 gam hỗn hợp M gồm axit cacboxylic, anđehit, ancol dư và nước. Phần trăm ancol X bị oxi hóa là

- A. 42,5%                      B. 85,0%                      C. 90,0%                      D. 80,0%

**Câu 33:** Nhỏ từ từ cho đến hết 75 ml dung dịch HCl 1M vào dung dịch chứa x gam hỗn hợp  $NaHCO_3$  và  $Na_2CO_3$  được dung dịch M và 0,504 lít  $CO_2$  (đkc). Thêm nước vôi trong dư vào dung dịch M thấy xuất hiện 7,5 gam kết tủa. Giá trị x là

- A. 9,180                      B. 9,345.                      C. 8,888                      D. 10,125

**Câu 34:** Có các thí nghiệm sau:

1. Hòa tan FeO trong dung dịch HCl.
2. Hòa tan  $Fe_2O_3$  trong  $HNO_3$ .
3. Hòa tan  $Fe_3O_4$  trong  $H_2SO_4$  đặc, nóng.
4. Hòa tan  $Fe(NO_3)_2$  trong dung dịch  $HNO_3$ .
5. Hòa tan  $Fe(NO_3)_2$  trong  $H_2SO_4$  loãng.
6. Hòa tan  $Fe_2O_3$  trong dung dịch HI.

Sau khi kết thúc các phản ứng, số thí nghiệm có xảy ra phản ứng oxi hóa khử là

- A. 2                      B. 3                      C. 4                      D. 1

**Câu 35:** Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp X gồm Al; MgO;  $Fe_3O_4$  và  $Fe(NO_3)_2$  (trong đó oxi chiếm 28,48% theo khối lượng) trong dung dịch HCl dư thấy có 5,36 mol HCl phản ứng. Sau khi các phản ứng xảy ra xong thu được dung dịch Y chỉ chứa

HCl dư và 260,3 gam muối clorua, đồng thời thoát ra 20,16 lít (đkc) khí Z gồm  $NO$ ;  $H_2$  có tỉ khối hơi so với  $H_2$  là  $\frac{10}{3}$ .

Thêm dung dịch NaOH dư vào dung dịch Y, sau phản ứng xuất hiện kết tủa Z. Nung Z trong không khí đến khối lượng không đổi được 59,2 gam rắn T. Phần trăm khối lượng  $Fe_3O_4$  trong X gần nhất với giá trị nào dưới đây?

- A. 35%.                      B. 25%.                      C. 45%.                      D. 15%.

**Câu 36:** Cho 3,76 gam rắn X gồm Al, Zn, Cu vào 200 ml dung dịch  $Cu(NO_3)_2$  0,5M được dung dịch A và rắn B. Nung B trong không khí đến khối lượng không đổi được 6,4 gam rắn Y. Cho nước  $NH_3$  dư vào dung dịch A. Lọc lấy kết tủa nung trong không khí đến khối lượng không đổi được 1,02 gam rắn Z. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng Zn trong X là

- A. 22,50%                      B. 33,33%                      C. 34,57%                      D. 23,25%

**Câu 37:** Khi đốt cháy hoàn toàn m gam ancol no, hai chức, mạch hở A thu được  $CO_2$  và m gam  $H_2O$ . Số công thức cấu tạo phù hợp với A là

- A. 6                      B. 3                      C. 5                      D. 4

**Câu 38:** Dẫn một lượng hỗn hợp X gồm  $C_2H_2$ ,  $C_2H_4$  và  $H_2$  qua ống đựng bột Ni nung nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn được 11,2 lít (đkc) hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với  $H_2$  là 12,2. Đốt cháy hết lượng Y rồi hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào nước vôi trong dư được bao nhiêu gam kết tủa?

- A. 80                      B. 90                      C. 40                      D. 75

**Câu 39:** Hòa tan hết 7,8 gam rắn X gồm Fe, FeS và  $FeS_2$  trong  $HNO_3$  dư được V lít (đkc) hỗn hợp  $NO$ ;  $NO_2$  có tỉ khối so với  $H_2$  là 19 và dung dịch Y chỉ chứa hai chất tan. Biết chỉ xảy ra 2 quá trình khử  $N^{+5}$ . Giá trị V là

- A. 11,20                      B. 12,32                      C. 10,08                      D. 13,44

**Câu 40:** Dung dịch có pH < 7 là

- A.  $NaHCO_3$                       B.  $KNO_3$                       C.  $NaAlO_2$                       D.  $C_6H_5NH_3Cl$  (phenylamoni clorua)

**Câu 41:** Có các thí nghiệm sau:

- 1/ Cho Mg vào dung dịch  $FeCl_3$  (dư)
  - 2/ Cho Zn (dư) vào dung dịch  $CrCl_3$ .
  - 3/ Nung  $Ag_2S$  trong không khí.
  - 4/ Cho ánh nắng rọi vào tấm giấy có quét AgBr.
- Số thí nghiệm sau khi kết thúc tạo ra kim loại là

- A. 4                      B. 2                      C. 1                      D. 3

**Câu 42:** Cho a mol anđehit mạch hở X tác dụng với lượng dư dung dịch  $AgNO_3$  trong  $NH_3$  thấy có 3a mol  $AgNO_3$  phản ứng và sinh ra 2a mol Ag. Phát biểu đúng là

- A. Công thức chung của X là  $C_nH_{2n-4}O$
- B. 1 mol X tác dụng được với ít nhất 3 mol  $Br_2$  trong nước brom
- C. X phải có phân tử khối lớn hơn 70.
- D. Đốt cháy hoàn toàn 1 mol X được ít nhất 2 mol  $H_2O$ .

**Câu 43:** X là hỗn hợp gồm hai ancol no, mạch hở, cùng số C trong phân tử. Chia X làm hai phần bằng nhau:

- Đốt cháy hoàn toàn phần 1 được 11 gam  $CO_2$  và 6,75 gam  $H_2O$

- Phần 2 cho tác dụng hoàn toàn với CuO (dư) nung nóng được hỗn hợp hơi Y có tỉ khối so với H<sub>2</sub> là  $\frac{187}{12}$ . Hỗn hợp hơi Y cho tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> được m gam bạc.

Giá trị của m là

- A. 64,8.                                      B. 37,8.                                      C. 43,2.                                      D. 54,0.

**Câu 44:** Trong phản ứng  $2Al + 2OH^- + 2H_2O \longrightarrow 2AlO_2^- + 3H_2$

H<sub>2</sub>O đóng vai trò:

- A. môi trường                                      B. chất khử                                      C. chất oxi hóa                                      D. chất lưỡng tính

**Câu 45:** Khi cho a mol một hợp chất hữu cơ X (chứa C, H, O) phản ứng hoàn toàn với Na hoặc với NaHCO<sub>3</sub> thì đều sinh ra a mol khí. Công thức phân tử của X là

- A. C<sub>3</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub>                                      B. C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>O<sub>3</sub>                                      C. C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>O<sub>2</sub>                                      D. C<sub>3</sub>H<sub>4</sub>O<sub>3</sub>

**Câu 46:** Hòa tan hết cùng một lượng kim loại M trong dung dịch HCl và trong dung dịch HNO<sub>3</sub> lần lượt thu được m và m' gam muối. Biết NO là sản phẩm khử duy nhất và m' = 1,7m. Kim loại M là

- A. Zn                                      B. Mg                                      C. Al                                      D. Fe

**Câu 47:** Tổng số hạt proton, neutron, electron trong 2 nguyên tử kim loại A và B là 142, trong đó tổng số hạt mang điện nhiều hơn tổng số hạt không mang điện là 42. Số hạt mang điện của nguyên tử B nhiều hơn của A là 12. Phát biểu đúng là

- A. Oxit của kim loại B tan được trong nước  
 B. Kim loại A nằm ở chu kì 3 trong bảng tuần hoàn.  
 C. Ở trạng thái cơ bản, các kim loại A, B đều có 2 electron ở lớp ngoài cùng  
 D. Một trong các kim loại A, B có oxit lưỡng tính.

**Câu 48:** X là hỗn hợp hai axit cacboxylic. Cho m gam X tác dụng với NaHCO<sub>3</sub> dư được 5,04 lít CO<sub>2</sub> (đkc). Đốt cháy hoàn toàn cũng lượng X này được H<sub>2</sub>O và 9,9 gam CO<sub>2</sub>. Giá trị m là

- A. 10,125                                      B. 10,350                                      C. 9,000                                      D. 10,150

**Câu 49:** Đốt cháy 3 gam một mẫu than chỉ lẫn tạp chất là S trong một lượng dư oxi rồi dẫn toàn bộ khí sinh ra vào 2 lít dung dịch NaOH 0,3M được dung dịch chứa x chất tan. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị x là

- A. 3                                      B. 4                                      C. 5                                      D. 2

**Câu 50:** Xa phòng hóa một lượng este đơn chức X bằng dung dịch NaOH vừa đủ rồi cô cạn được hỗn hợp rắn khan Y. Đốt cháy hoàn toàn Y được 17,6 gam CO<sub>2</sub>; 4,5 gam H<sub>2</sub>O và 5,3 gam Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>. Số công thức cấu tạo phù hợp với X là

- A. 13                                      B. 5                                      C. 6                                      D. 12

HẾT

ĐÁP ÁN

1A	2C	3B	4D	5D	6C	7B	8C	9B	10A
11C	12B	13B	14A	15C	16B	17B	18D	19D	20B
21A	22A	23C	24C	25B	26B	27B	28B	29C	30C
31D	32D	33B	34C	35A	36C	37A	38A	39C	40D
41B	42B	43B	44C	45B	46D	47C	48D	49A	50A